# BẢN ĐỒ KẾT QUẢ RÀ SOÁT KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

## THÀNH PHỐ LAI CHÂU - TỈNH LAI CHÂU

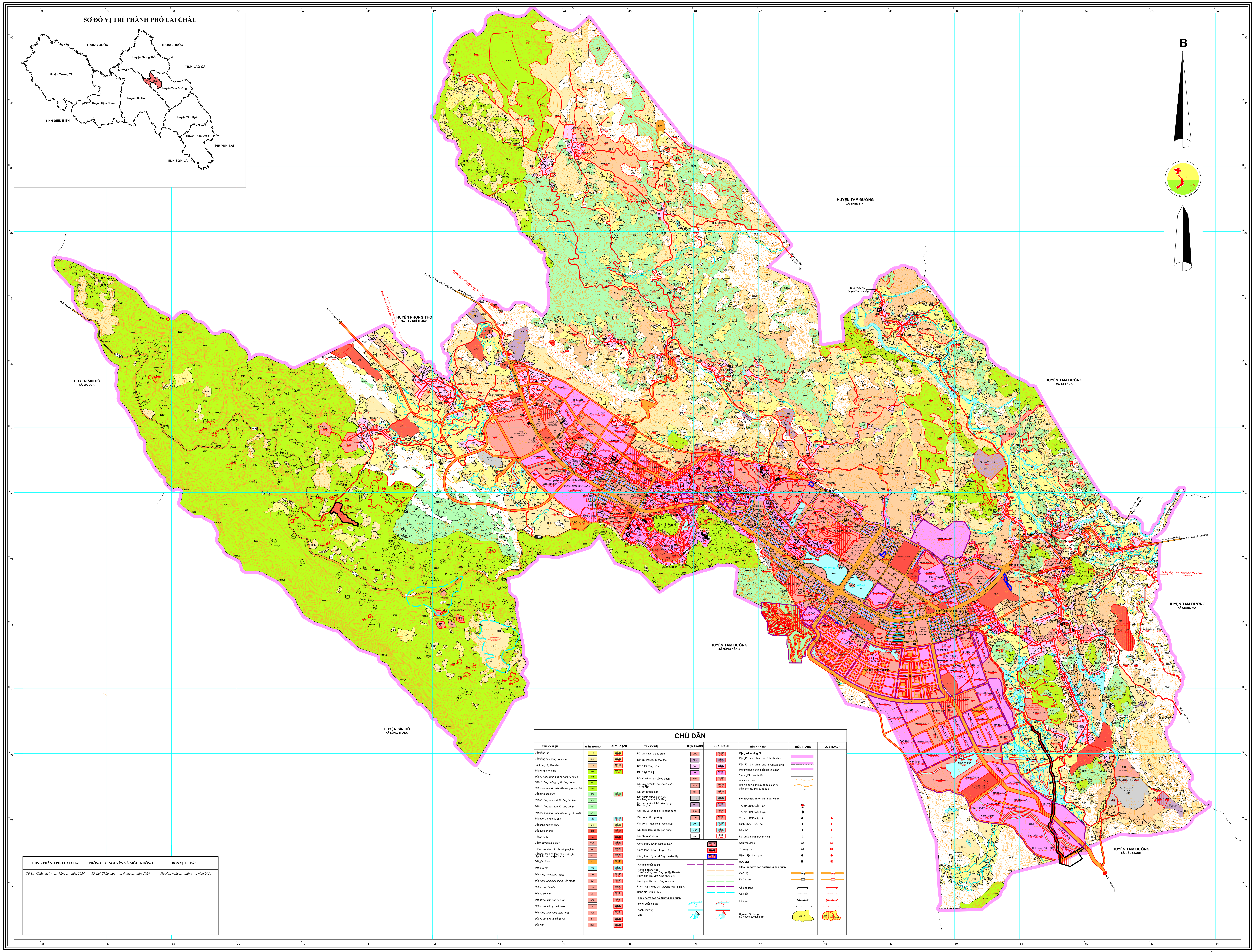
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THÀNH PHỐ LAI CHÂU
TRUNG QUỐC
TRUNG QUỐC
Huyện Phong Thổ
TỈNH LÀO CAI
Huyện Mường Tè
TP Lai Châu
Huyện Tam Đường
Huyện Sìn Hồ
Huyện Nậm Nhùn
TỈNH ĐIỆN BIÊN
Huyện Tân Uyên
Huyện Than Uyên
TỈNH YÊN BÁI
TỈNH SƠN LA
B
HUYỆN TAM ĐƯỜNG
XÃ THÈN SIN
HUYỆN PHONG THỔ
XÃ LẢN NHÌ THÀNG
HUYỆN SÌN HỒ
XÃ MA QUAI
HUYỆN TAM ĐƯỜNG
XÃ TẢ LÈNG
HUYỆN TAM ĐƯỜNG
XÃ GIANG MA
HUYỆN TAM ĐƯỜNG
XÃ NÙNG NÀNG
HUYỆN SÌN HỒ
XÃ LÙNG THÀNG
HUYỆN TAM ĐƯỜNG
XÃ BẢN GIANG
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54

### CHÚ DẪN

| TÊN KÝ HIỆU | HIỆN TRẠNG | QUY HOẠCH |
|---|---|---|
| Đất trồng lúa | LUA | MÃ HT<br>LUA |
| Đất trồng cây hàng năm khác | HNK | MÃ HT<br>HNK |
| Đất trồng cây lâu năm | CLN | MÃ HT<br>CLN |
| Đất rừng phòng hộ | RPH | MÃ HT<br>RPH |
| *Đất có rừng phòng hộ là rừng tự nhiên* | RPN | |
| *Đất có rừng phòng hộ là rừng trồng* | RPT | |
| *Đất khoanh nuôi phát triển rừng phòng hộ* | RPM | |
| Đất rừng sản xuất | RSX | MÃ HT<br>RSX |
| *Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên* | RSN | |
| *Đất có rừng sản xuất là rừng trồng* | RST | |
| *Đất khoanh nuôi phát triển rừng sản xuất* | RSM | |
| Đất nuôi trồng thủy sản | NTS | MÃ HT<br>NTS |
| Đất nông nghiệp khác | NKH | MÃ HT<br>NKH |
| Đất quốc phòng | CQP | MÃ HT<br>CQP |
| Đất an ninh | CAN | MÃ HT<br>CAN |
| Đất thương mại dịch vụ | TMD | MÃ HT<br>TMD |
| Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp | SKC | MÃ HT<br>SKC |
| Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | DHT | MÃ HT<br>DHT |
| *Đất giao thông* | DGT | MÃ HT<br>DGT |
| *Đất thủy lợi* | DTL | MÃ HT<br>DTL |
| *Đất công trình năng lượng* | DNL | MÃ HT<br>DNL |
| *Đất công trình bưu chính viễn thông* | DBV | MÃ HT<br>DBV |
| *Đất cơ sở văn hóa* | DVH | MÃ HT<br>DVH |
| *Đất cơ sở y tế* | DYT | MÃ HT<br>DYT |
| *Đất cơ sở giáo dục đào tạo* | DGD | MÃ HT<br>DGD |
| *Đất cơ sở thể dục thể thao* | DTT | MÃ HT<br>DTT |
| *Đất công trình công cộng khác* | DCK | MÃ HT<br>DCK |
| *Đất cơ sở dịch vụ về xã hội* | DXH | MÃ HT<br>DXH |
| *Đất chợ* | DCH | MÃ HT<br>DCH |

| TÊN KÝ HIỆU | HIỆN TRẠNG | QUY HOẠCH |
|---|---|---|
| Đất danh lam thắng cảnh | DDL | MÃ HT<br>DDL |
| Đất bãi thải, xử lý chất thải | DRA | MÃ HT<br>DRA |
| Đất ở tại nông thôn | ONT | MÃ HT<br>ONT |
| Đất ở tại đô thị | ODT | MÃ HT<br>ODT |
| Đất xây dựng trụ sở cơ quan | TSC | MÃ HT<br>TSC |
| Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | DTS | MÃ HT<br>DTS |
| Đất cơ sở tôn giáo | TON | MÃ HT<br>TON |
| Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng | NTD | MÃ HT<br>NTD |
| Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | SKX | MÃ HT<br>SKX |
| Đất khu vui chơi, giải trí công cộng | DKV | MÃ HT<br>DKV |
| Đất cơ sở tín ngưỡng | TIN | MÃ HT<br>TIN |
| Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối | SON | MÃ HT<br>SON |
| Đất có mặt nước chuyên dùng | MNC | MÃ HT<br>MNC |
| Đất chưa sử dụng | CSD | CSD<br>MÃ QH |
| Công trình, dự án đã thực hiện | | MÃ HT<br>MÃ QH |
| Công trình, dự án chuyển tiếp | | MÃ HT<br>MÃ QH |
| Công trình, dự án không chuyển tiếp | | MÃ HT<br>MÃ QH |
| Ranh giới đất đô thị | — — | — — — |
| Ranh giới khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm | | — — — |
| Ranh giới khu vực rừng phòng hộ | | — — — |
| Ranh giới khu vực rừng sản xuất | | — — — |
| Ranh giới khu đô thị - thương mại - dịch vụ | | — — — |
| Ranh giới khu du lịch | | — — — |
| **Thủy hệ và các đối tượng liên quan** | | |
| Sông, suối, hồ, ao | | |
| Kênh, mương | | |
| Đập | | |

| TÊN KÝ HIỆU | HIỆN TRẠNG | QUY HOẠCH |
|---|---|---|
| **Địa giới, ranh giới** | | |
| Địa giới hành chính cấp tỉnh xác định | — · — · — | |
| Địa giới hành chính cấp huyện xác định | — — — — | |
| Địa giới hành chính cấp xã xác định | - - - - - | |
| Ranh giới khoanh đất | ——— | |
| Bình độ cơ bản | ～ | |
| Bình độ cái và ghi chú độ cao bình độ | 100 | |
| Điểm độ cao, ghi chú độ cao | 1243,1 | |
| **Đối tượng kinh tế, văn hóa, xã hội** | | |
| Trụ sở UBND cấp Tỉnh | ★ | |
| Trụ sở UBND cấp huyện | ◉ | |
| Trụ sở UBND cấp xã | ● | ● |
| Đình, chùa, miếu, đền | ⛩ | ⛩ |
| Nhà thờ | ✝ | ✝ |
| Đài phát thanh, truyền hình | 📡 | 📡 |
| Sân vận động | ▭ | ▭ |
| Trường học | 📖 | 📖 |
| Bệnh viện, trạm y tế | ⊕ | ⊕ |
| Bưu điện | ☎ | ☎ |
| **Giao thông và các đối tượng liên quan** | | |
| Quốc lộ | QL4D | QL4D |
| Đường tỉnh | ĐT 130 | ĐT 130 |
| Cầu bê tông | ⟷ | ⟷ |
| Cầu sắt | | |
| Cầu treo | | |
| Khoanh đất trong Kế hoạch sử dụng đất | Mã HT | Mã HT<br>Mã QH<br>NămKH<br>ĐT(Ha) |

| UBND THÀNH PHỐ LAI CHÂU | PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG | ĐƠN VỊ TƯ VẤN |
|---|---|---|
| *TP Lai Châu, ngày ..... tháng ..... năm 2024* | *TP Lai Châu, ngày ..... tháng ..... năm 2024* | *Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2024* |

**NGUỒN TÀI LIỆU**
Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Lai Châu;

**TỶ LỆ 1 : 10000**

**ĐƠN VỊ XÂY DỰNG**
Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Việt Khôi